

Số: **817** /QĐ-BNN-ĐĐ

Hà Nội, ngày **10** tháng **3** năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án thành phần số 2: Xử lý sạt lở cấp bách
sông, suối tỉnh Bắc Kạn thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số
tỉnh Miền núi phía Bắc**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ giao dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: số 3385/QĐ-BNN-KH ngày 27/7/2021 về chủ trương đầu tư dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc; số 3257/QĐ-BNN-KH ngày 26/8/2022; số 403/QĐ-BNN-KH ngày 01/02/2023 về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc;

Căn cứ văn bản số 5644/BNN-KH ngày 26/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về chủ trương nghiên cứu khảo sát bổ sung một số tuyến kè thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc;

Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh Bắc Kạn số 103/TTr-UBND ngày 22/7/2022, số 1138/UBND-NNTNMT ngày 01/3/2023 về việc đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư và đề nghị giao chủ đầu tư thực hiện Dự án: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh miền núi phía Bắc, khu vực tỉnh Bắc Kạn;

Xét Tờ trình số 16 /TTr-BQL2-KHTĐ ngày 13/02/2023 của Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 2 đề nghị thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần số 2: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Bắc

Kạn thuộc dự án Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc, kèm theo văn bản số 02/TVTLTĐ-TTrBK ngày 25/12/2022 của Công ty TNHH tư vấn đầu tư và Xây dựng thủy lợi thủy điện về việc Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án thành phần số 2: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Bắc Kạn.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai (kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định số 09/BC-ĐĐ-QL ĐĐ ngày 06/3/2023 của Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai) và Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án thành phần số 2: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Bắc Kạn với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án thành phần:

Dự án thành phần số 2: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối tỉnh Bắc Kạn.

2. Thuộc dự án: Xử lý sạt lở cấp bách sông, suối một số tỉnh Miền núi phía Bắc.

3. Người quyết định đầu tư: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn.

5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Chống sạt lở bờ sông, suối và hạn chế xảy ra rủi ro khi lũ lớn; bảo vệ dân cư, đất đai và các cơ sở hạ tầng thiết yếu; góp phần ổn định sản xuất, đời sống sinh hoạt của nhân dân và cải tạo cảnh quan, môi trường.

6. Quy mô đầu tư xây dựng:

Kè chống sạt lở bờ sông Năng thuộc xã Thượng Giáo, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể và bờ sông Bắc Giang thuộc thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì với tổng chiều dài 1.741m (gồm 04 đoạn: kè bờ hữu sông Năng từ Ủy ban nhân dân xã Thượng Giáo đến hạ lưu cầu Tin Đồn dài 595m; kè bờ tả sông Năng thuộc Tiểu khu 8 thị trấn Chợ Rã dài 208m; kè bờ tả sông Năng thuộc Tiểu khu 10 thị trấn Chợ Rã dài 397m; kè bờ sông Bắc Giang thuộc thị trấn Yên Lạc dài 541m).

7. Tổ chức tư vấn lập khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Liên danh Trung tâm chính sách và kỹ thuật phòng, chống thiên tai - Công ty cổ phần tư vấn xây dựng và chuyển giao công nghệ Thăng Long 12.

8. Địa điểm xây dựng: Xã Thượng Giáo, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể và thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

9. Loại, nhóm dự án, cấp công trình:

- Loại, nhóm dự án: Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, nhóm B.

- Cấp công trình: cấp IV.

10. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

a) Số bước thiết kế: Thiết kế 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 12845:2020 - Công trình thủy lợi - Thành phần, nội dung lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi và Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- TCVN 8419:2022 - Công trình bảo vệ đê, bờ sông - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4253:2012 - Nền các công trình thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9152:2012 - Công trình thủy lợi - Quy trình thiết kế tường chắn.

- TCVN 4116:1985 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép thủy công - Tiêu chuẩn thiết kế.

11. Phương án xây dựng:

Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Năng thuộc xã Thượng Giáo, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể và kè chống sạt lở bờ sông Bắc Giang thuộc thị trấn Yên Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn với tổng chiều dài 1.741m gồm:

a) Kè chống sạt lở bờ sông Năng thuộc xã Thượng Giáo, thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể: tổng chiều dài 1.200m, dạng kè mái nghiêng, chia làm 03 đoạn:

- Đoạn 1: dài 595m, bờ hữu sông Năng đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thượng Giáo đến hạ lưu cầu Tin Đồn.

+ Đỉnh kè: Cao trình +154,0m; gồm dầm khóa đỉnh mái bằng bê tông cốt thép M250, phía trong là đường đỉnh kè bằng bê tông M250 dày 20cm, rộng 2,0m, trên nền cấp phối đá dăm dày 15cm, tiếp đến là rãnh tiêu nước bằng bê tông M250 (Đoạn từ cọc D15 đến cọc D22+3,0m giáp đường giao thông không bố trí đường đỉnh kè, rãnh tiêu nước). Phía trên đỉnh kè đến mặt đất tự nhiên bạt mái với hệ số $m=(1,75\div 2,0)$, gia cố mái bằng cấu kiện bê tông M250 đúc sẵn hình lục lăng dày 10cm trong hệ khung bê tông cốt thép M250, giữa các cấu kiện có ô trống để trồng cỏ.

+ Mái kè: Hệ số $m=2$; gia cố mái bằng cấu kiện bê tông M250 đúc sẵn ngàm âm dương, kích thước (0,4x0,4x0,16)m trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250, phía dưới lót đá dăm 1x2 dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Chân kè: Cao trình đỉnh chân kè +(147,0÷148,0)m; kết cấu gồm dầm khóa chân mái bằng bê tông cốt thép M250; tiếp đến là 01 hàng ống buy bằng bê tông cốt thép M250 đúc sẵn đường kính ngoài 1,24m, cao 1,50m lõi đá hộc, nắp đáy bằng bê tông cốt thép M250; phía ngoài gia cố chống xói bằng rọ thép đá hộc kích thước (2x1x1)m, dưới là lớp vải địa kỹ thuật.

Trên tuyến bố trí các bậc lên xuống rộng 2,0m và tường khóa đầu, cuối kè

bằng bê tông mác M250.

- Đoạn 2: dài 208m, bờ tả sông Năng thuộc Tiểu khu 8 thị trấn Chợ Rã.

+ Đỉnh kè: Cao trình +153,0m; gồm dầm khóa đỉnh mái bằng bê tông cốt thép M250, phía trong là đường đỉnh kè bằng bê tông M250 dày 20cm, rộng 2,0m, trên nền cấp phối đá dăm dày 15cm, tiếp đến là rãnh tiêu nước bằng bê tông M250 (đoạn từ cọc C16+9m đến cuối tuyến giáp chợ Rã không bố trí rãnh tiêu nước). Phía trên đỉnh kè đến mặt đất tự nhiên bạt mái với hệ số mái $m=(1,5\div 2,0)$, gia cố mái bằng cấu kiện bê tông M250 đúc sẵn ngàm âm dương kích thước (0,4x0,4x0,16)m trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250, phía dưới lót đá dăm 1x2 dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật; dầm đỉnh mái bố trí lan can an toàn.

+ Mái kè: Hệ số mái $m=2$; gia cố mái bằng cấu kiện bê tông M250 đúc sẵn ngàm âm dương kích thước (0,4x0,4x0,16)m trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250, phía dưới lót đá dăm 1x2 dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Chân kè: Cao trình đỉnh chân kè +148,0m; kết cấu gồm dầm khóa chân mái bằng bê tông cốt thép M250; tiếp đến là 01 hàng ống buy bằng bê tông cốt thép M250 đúc sẵn đường kính ngoài 1,24m, cao 1,50m lõi đá học, nắp đậy bằng bê tông cốt thép M250; phía ngoài gia cố chống xói bằng rọ thép đá học kích thước (2x1x1)m, dưới là lớp vải địa kỹ thuật.

Trên tuyến bố trí các bậc lên xuống rộng 2,0m và tường khóa đầu, cuối kè bằng bê tông mác M250.

- Đoạn 3: dài 397m, bờ tả sông Năng thuộc Tiểu khu 10 thị trấn Chợ Rã.

+ Đỉnh kè: Cao trình +152,50m; gồm dầm khóa đỉnh mái bằng bê tông cốt thép M250, phía trong là đường đỉnh kè bằng bê tông M250 dày 20cm, rộng 2,0m, trên nền cấp phối đá dăm dày 15cm, tiếp đến là rãnh tiêu nước bằng bê tông M250 (đoạn từ đầu tuyến đến cọc khảo sát K9+12m giáp đường giao thông hiện có không bố trí đường đỉnh kè và rãnh tiêu nước). Phía trên đỉnh kè đến mặt đất tự nhiên bạt mái với hệ số mái $m=(1,75\div 2,0)$, gia cố mái bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn hình lục lăng dày 10cm trong hệ khung bê tông cốt thép M250, giữa các cấu kiện có ô trống để trồng cỏ.

+ Mái kè: Hệ số mái $m=2$; gia cố mái bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn ngàm âm dương M250, kích thước (0,4x0,4x0,16)m trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250, phía dưới lót đá dăm (1x2)cm dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật.

+ Chân kè: Cao trình đỉnh chân kè +147,0m; kết cấu gồm dầm khóa chân mái bằng bê tông cốt thép M250; tiếp đến là 01 hàng ống buy bằng bê tông cốt thép M250 đúc sẵn đường kính ngoài 1,24m, cao 1,50m lõi đá học, nắp đậy bằng bê tông cốt thép M250; phía ngoài gia cố chống xói bằng rọ thép đá học kích thước (2x1x1)m, dưới là lớp vải địa kỹ thuật.

Trên tuyến bố trí các bậc lên xuống rộng 2,0m và tường khóa đầu, cuối kè bằng bê tông mác M250.

b) Kè chống sạt lở bờ sông Bắc Giang đoạn qua thị trấn Yên Lạc, huyện Na Ri: chiều dài 541m, dạng kè kết hợp giữa tường bản sườn bằng bê tông cốt thép M250 và kè lát mái.

- Tường bê tông cốt thép bản sườn cao 2,40m, đỉnh tường ở cao trình +224,0m bố trí lan can an toàn, sau đỉnh tường bố trí đường quản lý rộng 2,0m bằng bê tông M250 dày 20cm trên lớp móng cấp phối đá dăm dày 15cm, rãnh thoát nước bằng bê tông cốt thép M250 (tiếp giáp dầm chân mái kè). Gia cố móng tường bằng hệ cọc bê tông cốt thép; gia cố chống xói phía ngoài chân tường bằng rọ thép đá kích thước (2x1,0x1,0)m và vải lọc địa kỹ thuật.

- Mái kè: Từ cao trình +224,0m (đỉnh tường) đến cao trình +229,0m hệ số mái $m=2,0$, gia cố mái bằng cấu kiện bê tông M250 đúc sẵn ngàm âm dương kích thước (0,4x0,4x0,16)m trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250, phía dưới lót đá dăm 1x2 dày 10cm, dưới cùng là lớp vải địa kỹ thuật. Từ cao trình +229,0m đến mặt đất tự nhiên hệ số mái $m=1,75 \div 2,0$, gia cố mái bằng cấu kiện bê tông đúc sẵn hình lục lăng dày 10cm trong hệ khung dầm bê tông cốt thép M250, giữa các cấu kiện có ô trống để trồng cỏ. Giữa hai mái (cao trình +229,0m) bố trí cơ rộng 2,0m gồm đường quản lý và rãnh thoát nước bằng bê tông M250.

Trên tuyến kè khoảng 100m bố trí bậc lên xuống rộng 2,0m và tường khóa đầu, cuối kè bằng bê tông mác M250.

12. Tổng mức đầu tư dự án thành phần số 2: 98.000.000.000 đồng
(Chín mươi tám tỷ đồng).

Trong đó:

- Chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án:	1.208.000.000 đồng.
- Chi phí giai đoạn thực hiện dự án:	96.792.000.000 đồng.
+ Chi phí xây dựng:	67.172.000.000 đồng.
+ Chi phí quản lý dự án:	1.402.000.000 đồng.
+ Chi phí Tư vấn đầu tư xây dựng:	4.237.000.000 đồng.
+ Chi phí khác:	2.192.000.000 đồng.
+ Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng:	10.386.000.000 đồng.
+ Chi phí dự phòng:	11.367.000.000 đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách Trung ương do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

14. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2023-2025.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Ban quản lý dự án

đầu tư xây dựng chuyên ngành.

16. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng:

- Phạm vi giải phóng mặt bằng bao gồm mặt bằng xây dựng công trình và diện tích đất phục vụ thi công.

- Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng gồm: Bồi thường, hỗ trợ về đất; nhà ở và vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất; các chính sách hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất theo quy định.

- Dự kiến kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng: 10.368.000.000 đồng.

17. Một số lưu ý trong giai đoạn sau:

- Kiểm tra, rà soát, bổ sung, cập nhật tài liệu khảo sát địa hình, địa chất đảm bảo phù hợp với hiện trạng và tuân thủ các quy định, tiêu chuẩn hiện hành làm cơ sở thiết kế bản vẽ thi công, xác định dự toán xây dựng công trình phù hợp, trong đó đặc biệt lưu ý cập nhật, bổ sung khoan khảo sát, thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý địa chất nền khu vực thiết kế kè đứng bằng tường sườn bản chống đảm bảo đầy đủ số liệu phục vụ tính toán, thiết kế xử lý nền móng tường, đảm bảo ổn định, an toàn công trình.

- Tổ chức tính toán, kiểm tra ổn định công trình theo quy định hiện hành để xác định cụ thể, chính xác hóa các thông số thiết kế kè (cao trình, hệ số mái, kết cấu mái, chân kè...) và việc bố trí tuyến, đảm bảo kinh tế - kỹ thuật.

- Rà soát nguồn vật liệu để lựa chọn đảm bảo chất lượng, giá thành, chi phí vận chuyển đến chân công trình, kinh tế - kỹ thuật.

- Lập tiến độ, biện pháp tổ chức thi công chi tiết, xây dựng chỉ dẫn kỹ thuật thi công, lựa chọn biện pháp và thiết bị thi công phù hợp đảm bảo an toàn, ổn định cho tuyến kè được đầu tư xây dựng.

- Tổ chức lập, phê duyệt Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và thực hiện đảm bảo tiến độ thi công xây dựng công trình.

- Chủ đầu tư chịu trách nhiệm rà soát kỹ về khối lượng thiết kế bản vẽ thi công; tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình; phối hợp với đơn vị có liên quan của địa phương trong quá trình thi công, xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ, an toàn phòng chống thiên tai.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn:

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư trong tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng và trong quá trình thi công xây dựng công trình để đảm bảo tiến độ dự án.

- Chỉ đạo đơn vị quản lý, khai thác nhận bàn giao công trình hoàn thành trên địa bàn tỉnh để quản lý, khai thác công trình theo quy định.

2. Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 2 có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan của giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi cho Chủ đầu tư dự án.

3. Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn thực hiện chức năng Chủ đầu tư, chịu trách nhiệm triển khai các bước theo đúng quy định hiện hành.

4. Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai là cơ quan chuyên môn về xây dựng, thực hiện chức năng quản lý nhà nước giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra Chủ đầu tư tổ chức quản lý, thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành.

5. Vụ Kế hoạch, Vụ Tài chính và các đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm xử lý các công việc liên quan đến quá trình thực hiện dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai, Giám đốc Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 2, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bắc Kạn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ KHĐT;
- Bộ Tài chính;
- UBND tỉnh Bắc Kạn;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Bắc Kạn;
- Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính;
- Lưu: VT, ĐĐ._(15b)



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Hoàng Hiệp

Phụ lục
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

**DỰ ÁN THÀNH PHẦN SỐ 02: XỬ LÝ SẠT LỖ CẤP BÁCH SÔNG, SUỐI
TỈNH BẮC KẠN THUỘC DỰ ÁN XỬ LÝ SẠT LỖ CẤP BÁCH
SÔNG, SUỐI MỘT SỐ TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC**

(Kèm theo Quyết định số **817/QĐ-BNN-ĐĐ** ngày **10 tháng 3** năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	Khoản mục chi phí	Chi phí sau thuế (đồng)
A	CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN (Nằm trong tổng kinh phí chuẩn bị dự án được duyệt tại Quyết định số 183/QĐ-BQL2-KHTĐ ngày 22/10/2021 của Ban quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 2)	1.208.000.000
B	CHI PHÍ GIAI ĐOẠN THỰC HIỆN DỰ ÁN	96.792.000.000
I	Chi phí xây dựng	67.172.000.000
II	Chi phí quản lý dự án	1.402.000.000
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.273.000.000
1	Chi phí khảo sát giai đoạn thiết kế BVTC	1.116.000.000
2	Chi phí lập thiết kế BVTC	1.192.000.000
3	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn thiết kế BVTC	33.000.000
4	Chi phí giám sát khảo sát giai đoạn thiết kế BVTC	45.000.000
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.315.000.000
6	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	79.000.000
7	Chi phí thẩm tra dự toán	76.000.000
8	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu tư vấn	5.000.000
9	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu xây lắp	100.000.000
10	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu giám sát	3.000.000
11	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu bảo hiểm	2.000.000
12	Chi phí kiểm tra chất lượng vật liệu, kiểm định chất lượng công trình	200.000.000
13	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng công trình	107.000.000
IV	Chi phí khác	2.192.000.000
1	Chi phí bảo hiểm công trình	672.000.000
2	Chi phí kiểm toán	695.000.000
3	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	187.000.000
4	Chi phí thẩm định thiết kế BVTC	14.000.000
5	Chi phí thẩm định dự toán	13.000.000

6	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn	2.000.000
7	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp	61.000.000
8	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu giám sát	2.000.000
9	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu bảo hiểm	2.000.000
10	Chi phí an toàn giao thông	100.000.000
11	Khảo sát, lập phương án KTTC và dự toán rà phá bom mìn vật nổ	35.000.000
12	Chi phí rà phá bom mìn vật nổ	132.000.000
13	Thẩm định phương án KTTC và dự toán rà phá bom mìn vật nổ	1.000.000
14	Kiểm tra chất lượng thi công rà phá bom mìn	10.000.000
15	Giám sát thi công rà phá bom mìn vật nổ	3.000.000
16	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	263.000.000
V	Chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng	10.386.000.000
VI	Chi phí dự phòng	11.367.000.000
	TỔNG CỘNG	98.000.000.000
	LÀM TRÒN	98.000.000.000